

HAI MINH
CORPORATION
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17 Pearl Plaza- 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM, TP HCM

Điện thoại (028)35128668 Fax : (028)35128688

☎ * ☎

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 4 năm 2023.

(MÃ CK : HMM)

TP.HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 4 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25,363,659,622	41,483,942,097
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	18,483,123,587	5,771,802,970
1. Tiền	111		4,483,123,587	5,771,802,970
2. Các khoản tương đương tiền	112		14,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	4,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	4,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6,769,405,830	29,440,630,034
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	538,927,122	2,022,898,480
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6,392,967,999	27,557,419,576
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	292,942,246	315,743,515
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(455,431,537)	(455,431,537)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	-	137,933,887
1. Hàng tồn kho	141		-	137,933,887
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		111,130,205	2,133,575,206
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	110,955,381	220,821,382
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		174,824	1,415,032,106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	-	497,721,718
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		190,212,770,657	176,800,081,841
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8,000,000	5,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	8,000,000	5,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12,328,667,527	20,420,227,764
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	11,841,575,004	19,919,151,725
- Nguyên giá	222		17,058,682,675	35,057,774,235
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,217,107,671)	(15,138,622,510)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	487,092,523	501,076,039
- Nguyên giá	228		601,291,237	601,291,237
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(114,198,714)	(100,215,198)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23,603,635,918	194,363,636
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	23,603,635,918	194,363,636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		154,108,495,100	155,746,472,121
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	132,051,490,000	132,051,490,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	27,300,000,000	27,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(5,242,994,900)	(3,305,017,879)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		163,972,112	434,018,320
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	163,972,112	434,018,320
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		215,576,430,279	218,284,023,938

Báo cáo này là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		12,627,646,443	19,174,725,243
I. Nợ ngắn hạn	310		12,244,433,403	18,839,597,243
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	3,510,798,747	4,417,066,388
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1,444,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	166,070,865	124,592,712
4. Phải trả người lao động	314		691,528,131	543,333,369
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	6,238,841,322	99,080,859
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1,447,039,325	1,537,679,886
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	-	11,000,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		190,155,013	1,116,400,029
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		383,213,040	335,128,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	383,213,040	335,128,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		202,948,783,836	199,109,298,695
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	202,948,783,836	199,109,298,695
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131,998,470,000	131,998,470,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131,998,470,000	131,998,470,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5,893,984,271	5,893,984,271
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4,394,588,700)	(4,394,588,700)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6,614,442,869	6,614,442,869
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62,836,475,396	58,996,990,255
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		58,702,699,162	53,276,366,684
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4,133,776,234	5,720,623,571
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		215,576,430,279	218,284,023,938


Đào Thế Hưng
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2024


Đặng Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 4 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)
Quý 4 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Quý 4 năm 2023	Lấy kế 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 V1.1	2,490,189,188	14,125,733,659
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		900,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2,490,189,188	14,125,733,659
4. Giá vốn hàng bán	11 V1.2	1,685,351,793	11,108,461,163
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	804,837,395	3,017,272,496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 V1.3	231,320,508	3,827,385,641
7. Chi phí tài chính	22 V1.4	531,945,188	3,107,119,706
Trong đó: chi phí lãi vay	23		556,000,001
8. Chi phí bán hàng	25		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 V1.5	891,003,178	3,354,033,746
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(386,790,463)	383,504,685
11. Thu nhập khác	31 V1.6	1,120,000	5,973,506,578
12. Chi phí khác	32	4,000,000	1,635,336,459
13. Lợi nhuận khác	40	(2,880,000)	4,338,170,119
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(389,670,463)	4,721,674,804
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 5.13	88,696,808	587,898,570
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(389,670,463)	4,133,776,234
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 V1.7		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71 V1.7		


Đào Thế Hưng
Kế toán trưởng/Người lập




Đặng Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

Báo cáo này là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 4 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4,721,674,804	5,847,544,880
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1,432,431,848	1,985,711,243
- Các khoản dự phòng	03		1,937,977,021	2,253,589,135
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7,880,085,633)	(1,435,825,441)
- Chi phí lãi vay	06		556,000,001	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		767,998,041	8,651,019,817
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		677,167,286	10,762,949,374
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		61,144,089	434,563,865
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4,832,670,499	(11,118,498,244)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(394,008,390)	59,194,909
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	5,180,959,840
- Tiền lãi vay đã trả	14		(572,897,224)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(618,641,832)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	431,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,220,536,109)	(1,024,720,125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4,151,538,192	12,757,827,604
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		11,923,321,570	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(21,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,660,966,485	4,204,643,935
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19,584,288,055	(16,795,356,065)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(11,000,000,000)	(271,279,833)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24,505,630)	(50,279,315,100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(11,024,505,630)</i>	<i>(50,550,594,933)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		12,711,320,617	(54,588,123,394)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5,771,802,970	61,642,966,364
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	18,483,123,587	7,054,842,970



Đào Thế Hưng
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2024

Đặng Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

32 / 32
TY
HN
HP

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 BẢO CAO TẠI CHINH RIỀNG

Quý 3 năm 2023

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	131,998,470,000	5,893,984,271	(4,394,588,700)	6,614,442,869	94,333,762,532	234,446,070,972
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	5,720,623,571	5,720,623,571
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(2,514,454,848)	(2,514,454,848)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(38,542,941,000)	(38,542,941,000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	131,998,470,000	5,893,984,271	(4,394,588,700)	6,614,442,869	58,996,990,255	199,109,298,695
Số dư tại ngày 01/01/2023	131,998,470,000	5,893,984,271	(4,394,588,700)	6,614,442,869	58,996,990,255	199,109,298,695
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	4,133,776,234	4,133,776,234
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	(294,291,093)	(294,291,093)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2023	131,998,470,000	5,893,984,271	(4,394,588,700)	6,614,442,869	62,836,475,396	202,948,783,836


 Đào Thế Hưng
 Kế toán trưởng/Người lập


 TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2024
 Đặng Ngọc Hưng
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 về việc thay đổi Tổng Giám đốc và bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 là 131.998.470.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỉ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 19 người (tại ngày 31/12/2022 là 36 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển (không kèm người điều khiển); cho thuê tàu và thiết bị hàng hải;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh bất động sản cho thuê, vận tải hàng hóa, các dịch vụ hỗ trợ vận tải, đại lý hãng tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con						
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	96,79%	96,79%	96,79%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	99,92%	99,92%	99,92%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	99,00%	99,00%	99,00%
Các Công ty liên kết						
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Lô KB3-02, khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa	26,00%	26,00%	26,00%

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con, Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	43
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04
	12

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Tài sản cố định khác

10

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong vòng 43 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư là các căn hộ trong dự án bất động sản mà Công ty được sở hữu lâu dài.

Cho thuê tài sản**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Cho thuê tài sản (Tiếp theo)**

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ

Các chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê căn hộ bao gồm chi phí môi giới căn hộ và chi phí thi công lại nội thất căn hộ cho thuê được ghi nhận theo giá gốc. Định kỳ, các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 đến 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí dịch vụ khác: trích trước dựa trên Hợp đồng, báo giá hoặc các chứng từ khác có liên quan khi Công ty thực tế đã nhận được dịch vụ cung cấp nhưng chưa nhận được hóa đơn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán riêng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến vận tải và kho bãi; doanh thu cho thuê hoạt động.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ và cho thuê hoạt động là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	21.331.887	97.003.803
Tiền gửi ngân hàng	4.461.791.700	5.674.799.167
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	14.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)	14.000.000.000	-
Tổng	18.483.123.587	5.771.802.970

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 2,3%/năm đến 3,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con			(5.242.994.900)			(3.305.017.879)
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	96,79%	96,79%	44.510.290.000 (i)	96,79%	96,79%	44.510.290.000 (i)
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	99,92%	99,92%	45.961.200.000 (i)	99,92%	99,92%	45.961.200.000 (i)
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	99,00%	99,00%	41.580.000.000 (i)	99,00%	99,00%	41.580.000.000 (i)
Đầu tư vào Công ty liên kết			27.300.000.000			27.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh (ii)	26,00%	26,00%	27.300.000.000 (i)	30,00%	30,00%	27.000.000.000 (i)
Tổng			159.351.490.000			159.051.490.000
			(5.242.994.900)			(3.305.017.879)

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2023/QĐ-HDQT ngày 21/3/2023 với số cổ phần đã mua là 30.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty sau khi mua cổ phần là 26%.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
 Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam	-	1.136.662.750
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu	-	108.196.364
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Kho bãi và Vận tải Thịnh Phát	21.224.815	21.224.815
Công ty Cổ phần Tiếp vận Phước Tạo	-	43.298.181
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát (i)	137.731.560	137.731.560
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh (i)	100.000.000	100.000.000
Phải thu các đối tượng khác	279.970.747	475.784.810
Tổng	538.927.122	2.022.898.480

(i) Các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, khó thu hồi, đã được Công ty trích lập dự phòng toàn bộ.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 (Trình bày lại) VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.392.967.999	27.557.419.576
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	-	20.009.363.617
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc (i)	6.231.844.558	7.548.055.959
Các đối tượng khác	161.123.441	-
Tổng	6.392.967.999	27.557.419.576

(i) Khoản trả trước liên quan đến chi phí mua các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	292.942.246	(22.710.762)	315.743.515	(22.710.762)
Tạm ứng cho nhân viên	7.700.000	-	110.705.342	-
Phải thu khác (i)	285.242.246	(22.710.762)	205.038.173	(22.710.762)
Dài hạn	8.000.000	-	5.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	8.000.000	-	5.000.000	-
Tổng	300.942.246	(22.710.762)	320.743.515	(22.710.762)

Trong đó

Phải thu ngắn hạn

khác là các bên liên

quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

-	-	4.128.552.171	-
---	---	---------------	---

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(i) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản phải thu từ việc chi hộ cho các khách hàng của Công ty.

5.6 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát - phải thu cung cấp dịch vụ	137.731.560	-	137.731.560	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	100.000.000	-	100.000.000	-
Các tổ chức khác - phải thu cung cấp dịch vụ	194.989.215	-	194.989.215	-
Các tổ chức khác - phải thu khoản chi hộ	22.710.762	-	22.710.762	-
Tổng	455.431.537	-	455.431.537	-

Chi tiết thời gian quá hạn của các khoản công nợ như sau:

	Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm VND	Quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm VND	Quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm VND	Quá hạn trên 3 năm VND
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát - phải thu cung cấp dịch vụ	-	137.731.560	-	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	-	-	100.000.000	-
Các tổ chức khác - phải thu cung cấp dịch vụ	-	194.989.215	-	-
Các tổ chức khác - phải thu khoản chi hộ	-	22.710.762	-	-
Tổng	-	355.431.537	100.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	110.955.381	220.821.382
Công cụ, dụng cụ	10.800.000	8.600.003
Chi phí bảo hiểm	11.601.534	126.588.383
Chi phí sửa chữa	21.905.788	9.715.652
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	8.400.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	58.248.059	75.917.344
Dài hạn	163.972.112	434.018.320
Chi phí sửa chữa tài sản	-	298.596.309
Công cụ, dụng cụ	31.108.421	21.818.182
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	117.276.728	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.586.963	113.603.829
Tổng	274.927.493	654.839.702

C.T.P
HẢI MINH

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2023	14.505.410.057	20.379.949.105	172.415.073	35.057.774.235
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	(17.999.091.560)	-	(17.999.091.560)
Thanh lý, nhượng bán	-	(17.999.091.560)	-	(17.999.091.560)
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>14.505.410.057</u>	<u>2.380.857.545</u>	<u>172.415.073</u>	<u>17.058.682.675</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.417.568.274	12.548.639.163	172.415.073	15.138.622.510
Tăng trong năm	337.335.108	1.081.113.224	-	1.418.448.332
Khấu hao trong năm	337.335.108	1.081.113.224	-	1.418.448.332
Giảm trong năm	-	(11.339.963.171)	-	(11.339.963.171)
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.339.963.171)	-	(11.339.963.171)
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>2.754.903.382</u>	<u>2.289.789.216</u>	<u>172.415.073</u>	<u>5.217.107.671</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	<u>12.087.841.783</u>	<u>7.831.309.942</u>	-	<u>19.919.151.725</u>
Tại ngày 31/12/2023	<u>11.750.506.675</u>	<u>91.068.329</u>	-	<u>11.841.575.004</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 1.356.324.164 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	601.291.237	601.291.237
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	601.291.237	601.291.237
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	100.215.198	100.215.198
Tăng trong kỳ	13.983.516	13.983.516
Khấu hao trong kỳ	13.983.516	13.983.516
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	114.198.714	114.198.714
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	501.076.039	501.076.039
Tại ngày 31/12/2023	487.092.523	487.092.523

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

5.9 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	-	23.603.635.918	-	23.603.635.918
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	23.603.635.918	-	23.603.635.918
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	23.603.635.918	-	23.603.635.918
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	23.603.635.918	-	23.603.635.918

Bất động sản đầu tư của Công ty là các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 381.363.644 VND và 95.444.275 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên tại ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	124.592.712	1.638.811.132	1.597.332.979	166.070.865
Thuế giá trị gia tăng	-	94.624.081	94.624.081	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	90.176.852	-	90.176.852
Thuế thu nhập cá nhân	54.901.153	168.007.226	208.297.519	14.610.860
Các khoản thuế nhà thầu nước ngoài	69.691.559	1.283.002.973	1.291.411.379	61.283.153
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	497.721.718	497.721.718	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	497.721.718	497.721.718	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2023 (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2022
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	-	16.897.223
Trích trước chi phí mua căn hộ	6.231.844.558	-
Các khoản khác	6.996.764	82.183.636
Tổng	6.238.841.322	99.080.859
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan	-	16.897.223
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>		

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.447.039.325	1.537.679.886
Kinh phí công đoàn	5.391.200	100.000
Bảo hiểm xã hội	-	2.004.200
Cổ tức phải trả	-	24.505.630
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh - phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	44.000.000	222.497.800
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát - phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	111.000.000	439.310.750
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh - phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	34.500.000	177.000.000
Phải trả, phải nộp khác	1.252.148.125	672.261.506
Dài hạn	383.213.040	335.128.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (i)	383.213.040	335.128.000
Tổng	1.830.252.365	1.872.807.886
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan	189.500.000	838.808.550
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>		

(i) Khoản nhận ký cược liên quan đến việc cho thuê văn phòng và cho thuê căn hộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023 (VND)		Biến động trong kỳ (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh (i)	-	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh (ii)	-	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Tổng	-	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000

Trong đó:

Vay các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

	-	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
--	---	---	---	----------------	----------------	----------------

(i) Hợp đồng vay số 2612/GFC-HMH ngày 26/12/2022 với Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh. Số tiền gốc: 5.500.000.000 VND. Thời hạn vay: tối đa 1 năm từ ngày 29/12/2022. Lãi suất vay: 8%/năm, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Hợp đồng vay số 2612/GFAHMH ngày 26/12/2022 với Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh. Số tiền gốc: 4.500.000.000 VND. Thời hạn vay: tối đa 1 năm từ ngày 27/12/2022. Lãi suất vay: 8%/năm, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	94.333.762.532	234.446.070.972
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.720.623.571	5.720.623.571
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.514.454.848)	(2.514.454.848)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(38.542.941.000)	(38.542.941.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	58.996.990.255	199.109.298.695
Số dư tại ngày 01/01/2023	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	58.996.990.255	199.109.298.695
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	4.133.776.234	4.133.776.234
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	(294.291.093)	(294.291.093)
Số dư tại ngày 31/12/2023	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	62.836.475.396	202.948.783.836

Đơn vị tính: VND

(i) Công ty trích lập các quỹ theo kết quả phân phối lợi nhuận năm 2022 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCD ngày 20/4/2023, trong đó:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với 196.194.062 VND;
- Trích lập quỹ khen thưởng hoạt động của hội đồng quản trị: 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với 98.097.031 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	1.428.800	10,82%	14.288.000.000	1.428.800	10,82%	14.288.000.000
Ông Trần Quang Tiến	1.388.505	10,52%	13.885.050.000	1.388.505	10,52%	13.885.050.000
Ông Vũ Đức Tuấn	1.000.000	7,58%	10.000.000.000	1.000.000	7,58%	10.000.000.000
Các cổ đông khác	9.382.542	71,08%	93.825.420.000	9.382.542	71,08%	93.825.420.000
Tổng	13.199.847	100,00%	131.998.470.000	13.199.847	100,00%	131.998.470.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	131.998.470.000	131.998.470.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	131.998.470.000	131.998.470.000
Cổ tức đã chia	-	38.542.941.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
Cổ phiếu phổ thông	13.199.847	13.199.847
Số lượng cổ phiếu được mua lại	352.200	352.200
Cổ phiếu phổ thông	352.200	352.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.847.647	12.847.647
Cổ phiếu phổ thông	12.847.647	12.847.647
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.614.442.869	6.614.442.869

5.15 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**Ngoại tệ các loại**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	31/12/2023		01/01/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đồng Đô La Mỹ (USD)	1.284,23	31.698.153	96,70	2.267.615

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	3.970.782.475	11.922.848.133
Doanh thu đại lý dầu (hàng hóa)	-	989.584.490
Doanh thu dịch vụ đại lý container	7.964.915.292	11.214.405.315
Doanh thu cho thuê văn phòng và cho thuê hoạt động khác (i)	2.190.035.892	1.958.373.938
Tổng	14.125.733.659	26.085.211.876

(i) Trong đó, doanh thu liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm là 381.363.644 VND.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	4.920.039.930	12.289.917.112
Giá vốn đại lý dầu (hàng hóa)	-	1.079.015.202
Giá vốn dịch vụ đại lý container	5.414.858.015	5.426.937.647
Giá vốn cho thuê văn phòng	773.563.218	763.843.840
Tổng	11.108.461.163	19.559.713.801

(i) Trong đó, giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm là 95.444.275 VND.

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	334.335.492	1.947.590.824
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	537.043.000
Cổ tức được chia từ kinh doanh chứng khoán và công ty con	3.326.676.993	5.785.075.704
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	161.658.485	131.952.607
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.714.671	782.904.451
Tổng	3.827.385.641	9.184.566.586

Trong đó:

Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan 3.326.400.000 4.128.552.171

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
 Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	556.000.001	16.897.223
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	2.564.157.539
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	398.592.849	380.497.394
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	214.438.889	105.686
Dự phòng đầu tư vào công ty con	1.937.977.021	3.305.017.879
Chi phí tài chính khác	110.946	3.960.693
Tổng	3.107.119.706	6.270.636.414

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.864.749.675	1.502.415.673
Chi phí vật liệu quản lý	47.936.676	118.018.233
Chi phí đồ dùng văn phòng	84.680.332	67.607.165
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.570.268	169.851.072
Thuế phí và lệ phí	93.939.559	90.781.563
Chi phí dự phòng	-	455.431.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	773.118.319	779.130.356
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	460.038.917	891.576.768
Tổng	3.354.033.746	4.074.812.367

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.413.482.784	326.396.224
Nhượng bán quyền mua căn hộ	1.558.903.794	-
Các khoản khác	1.120.000	273.722.105
Tổng	5.973.506.578	600.118.329
Chi phí khác		
Kết chuyển giá trị dự án không tiếp tục đầu tư	194.363.636	-
Chi phí phát sinh từ thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng mua căn hộ	1.351.341.641	-
Chi phí khác	89.631.182	116.289.329
Tổng	1.635.336.459	116.289.329
Lợi nhuận khác	4.338.170.119	483.829.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.721.674.804	5.847.544.880
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	1.544.495.037	148.922.236
<i>Chi phí không được trừ</i>	1.544.495.037	148.922.236
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(3.326.676.993)	(5.785.075.704)
<i>Cổ tức</i>	(3.326.676.993)	(5.785.075.704)
Thu nhập chịu thuế	2.939.492.848	211.391.412
<i>Lỗ được kết chuyển</i>	-	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.939.492.848	211.391.412
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	587.898.570	42.278.282
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	84.643.027
Tổng	587.898.570	126.921.309

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.315.797.307	6.520.143.073
Chi phí nhân công	4.171.184.456	7.159.606.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	955.745.178	2.515.972.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.695.108.626	5.320.064.384
Chi phí khác bằng tiền	822.061.964	2.118.739.416
Tổng	9.959.897.531	23.634.526.168

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về vụ kiện**

Ngày 01/2/2023, Công ty nộp đơn khởi kiện Ông Trần Minh Thắng tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre liên quan đến một số khoản công nợ công nợ phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Hải Minh do Ông Trần Minh Thắng quản lý. Ngày 03/2/2023, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã thụ lý vụ án dân sự số 42/TB-TLVA về việc “tranh chấp Hợp đồng dân sự”. Tại ngày Báo cáo tài chính riêng, vụ kiện đang được thụ lý bởi Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Đồng thời, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ các khoản nợ phải thu khách hàng và phải thu khác do Ông Trần Minh Thắng quản lý với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 455.431.537 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Các cam kết**a. Cam kết cho thuê hoạt động**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty cho thuê các bất động sản bao gồm mặt bằng sản văn phòng và các căn hộ chung cư thông qua các hợp đồng cho thuê hoạt động có liên quan. Tổng giá trị các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang mà Công ty dự kiến được nhận theo các thời hạn:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Năm thứ nhất	2.658.715.680	1.663.617.164
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.757.846.400	2.904.963.200
Tổng	4.416.562.080	4.568.580.364

b. Cam kết được bảo lãnh thanh toán

Công ty ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số PDL20231129632/HDTD ngày 19/7/2023 với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định. Theo Hợp đồng cấp tín dụng, Công ty được cung cấp hạn mức tín dụng với giá trị là 2.055.000.000 VND, trong đó Hạn mức bảo lãnh là 2.055.000.000 VND, hạn mức mở L/C là 2.055.000.000 VND. Thời hạn Công ty được Ngân hàng bảo lãnh thanh toán theo Hợp đồng cấp tín dụng có hiệu lực từ ngày 30/11/2023 đến ngày 28/02/2025. Việc cấp hạn mức tín dụng theo Hợp đồng trên cơ sở không có tài sản đảm bảo.

7.3 Thông tin về thay đổi trụ sở Công ty

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Công ty Cổ phần Hải Minh, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch thay đổi trụ sở chính của Công ty như sau:

- Thay đổi trụ sở chính của Công ty Cổ phần Hải Minh từ Tp. Hồ Chí Minh ra Tp. Hải Phòng;
- Thành lập Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh hoặc đơn vị tương đương để đảm bảo hoạt động của Công ty tại địa bàn Tp. Hồ Chí Minh.

Tại ngày Báo cáo tài chính riêng, các công việc về thay đổi trụ sở nêu trên đang được tiến hành.

7.4 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong năm:

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
 Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
6	Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh 1 nam viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban Kiểm toán, Ban	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty
7	Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	54.000.000	-
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	183.200.000
Ông Trần Đức Trung	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	54.000.000	-
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	54.000.000	-
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	54.000.000	-
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	54.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	-
Ông Nguyễn Thế Quân	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	-
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	-

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban (đến ngày 24/10/2022)	-	-
Ông Khuru Hoàng Nam	Thành viên (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên (đến ngày 25/4/2022)	24.000.000	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/5/2022)	508.306.000	474.283.334
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc (đến ngày 01/5/2022)	-	143.333.332
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng				
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	Chi phí dịch vụ	-	68.094.362
Thu nhập khác				
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	Thanh lý tài sản cố định	1.031.000.000	-
			1.031.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính				
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Lợi nhuận được chia	3.326.400.000	4.128.552.171
			3.326.400.000	4.128.552.171
Chi phí tài chính				
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Chi phí lãi vay	556.000.001	16.897.223
	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty		282.333.335	-
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh		Chi phí lãi vay	273.666.666	16.897.223
Giao dịch đi vay				
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Tiền gốc vay nhận được trong năm		5.500.000.000
		Tiền gốc vay đã trả trong năm	5.500.000.000	
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Tiền gốc vay nhận được trong năm		5.500.000.000
		Tiền gốc vay đã trả trong năm	5.500.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023		Năm 2022	
			VND	VND	VND	VND
Cổ tức						
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Cổ tức đã chia	-	-	19.123.170.000	7.286.400.000
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	Cổ tức đã chia	-	-	4.165.515.000	
Ông Phùng Văn Quang	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	-	1.013.712.000	
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	-	306.210.000	
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	-	215.424.000	
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	-	3.000.000.000	
Ông Nguyễn Thế Quân	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	-	1.580.154.000	
Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc	Cổ tức đã chia	-	-	91.140.000	
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc	Cổ tức đã chia	-	-	450.285.000	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban kiểm soát	Cổ tức đã chia	-	-	772.605.000	
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên ban kiểm soát	Cổ tức đã chia	-	-	211.425.000	
Bà Vũ Thị Ngọc Ánh	Các nhân có liên quan đến người quản lý chủ chốt	Cổ tức đã chia	-	-	30.300.000	
Giao dịch khác						
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con	Chi thường và các khoản phúc lợi	506.447.750		752.500.000	
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	Chi hộ	-		20.189.250	
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Chi thường và các khoản phúc lợi	212.214.547		-	
		Chi thường và các khoản phúc lợi	135.074.625		338.500.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>				
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Phải thu lợi nhuận được chia	-	4.128.552.171
<u>Chi phí phải trả ngắn hạn</u>				
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Lãi vay phải trả	-	16.897.223
<u>Vay và nợ thuế tài chính</u>				
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Nợ gốc của khoản vay ngắn hạn	-	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Nợ gốc của khoản vay ngắn hạn	-	5.500.000.000
<u>Phải trả khác ngắn hạn</u>				
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	Phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	189.500.000	838.808.550
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con	Phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	44.000.000	222.497.800
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	111.000.000	439.310.750
			34.500.000	177.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 4 năm 2023

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Công ty đã trình bày lại Thuyết minh về khoản mục Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2022 do phát hiện sai sót về tên đối tượng như sau:

Thuyết minh số 5.4 – Trả trước cho người bán ngắn hạn

	01/01/2023 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2023 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	27.557.419.576	20.009.363.617	7.548.055.959
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc	-	7.548.055.959	(7.548.055.959)
Tổng	27.557.419.576	27.557.419.576	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Đào Thế Hưng

Kế toán trưởng

Đào Thế Hưng

Tổng Giám đốc

Đặng Ngọc Hùng